

Manage Requisitions | Tin tức và Truyền thông | TỈNH QUẢNG NGÃI | www.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/bangtin/2012/75162/

Provincial Governan... VietNamNet - Chinh... Báo Mới - Tổng hợp... Home - Việt Nam In... UNDP User Guide - ... Standard Agreements My Travel Requests Other bookmarks

TỈNH QUẢNG NGÃI

Thứ Sáu, 29/06/2012 | Tìm kiếm | Trang chủ | Sơ Đồ Website | Liên kết | Tiện ích | English

Giới thiệu Tỉnh

- Địa chí Quảng Ngãi
- Điều kiện tự nhiên
 - Sông ngòi
 - Hồ, đầm, đập
 - Núi
- Lịch sử hình thành
- Dân số lao động
- Cơ sở hạ tầng
- Văn hóa

Bộ máy Tổ chức

- Tỉnh ủy
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
- Hội đồng nhân dân tỉnh
- Ủy ban nhân dân tỉnh
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh
- Sở Ban Ngành
- Huyện, thành phố

Thông tin chuyên đề

- Hợp tác đầu tư
- Du lịch

TIN TỨC - KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Các giải pháp nâng cao chỉ số "Hiệu quả Quản trị và Hành chính công" cấp tỉnh: Kỳ 6 - Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công (28/06/2012)

PAPI đánh giá hiệu quả cung ứng dịch vụ công thông qua bốn loại hình dịch vụ công, bao gồm:

- Y tế công lập,
- Giáo dục tiểu học công lập,
- Cơ sở hạ tầng căn bản,
- An ninh, trật tự ở khu dân cư.

Bốn loại hình dịch vụ công này cũng là bốn nội dung thành phần của trục nội dung về cung ứng dịch vụ công. Qua Bộ phiếu hỏi, người trả lời có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm thực tế về mức độ dễ sử dụng và sẵn có của các dịch vụ cơ bản do chính quyền cơ sở ở địa bàn xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành bản thân đang sinh sống. Những trải nghiệm của người dân giúp phản ánh tác động của các chính sách nhà nước về bốn loại hình dịch vụ công ở địa phương. Qua đó, PAPI đo lường mức độ đáp ứng nhu cầu căn bản và những đòi hỏi chính đáng của người dân về dịch vụ công. Một vấn đề quan trọng hơn, PAPI cũng cho thấy hiệu suất và hiệu quả trong đầu tư công vào bốn lĩnh vực nêu trên ở cấp tỉnh.

Các phát hiện nghiên cứu về mức độ hiệu quả trong cung ứng dịch vụ công của 63 tỉnh/thành phố khi phân nhóm theo bốn cấp độ hiệu quả, có thể thấy sự khác biệt giữa các vùng, miền: các tỉnh/thành phố trong nhóm đạt điểm cao nhất có xu hướng tập trung ở khu vực miền Trung; các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, TP. Đà Nẵng, Quảng Nam và Bình Định đều nằm trong nhóm có điểm số trên bách phân vị thứ 75, nghĩa là trong khoảng điểm cao nhất từ 7,149 đến 7,478. Trong khi đó, các tỉnh/thành phố trong nhóm đạt điểm thấp nhất nằm rải rác ở các vùng miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và phía Nam với điểm trung bình ước lượng của mỗi địa phương nằm trong khoảng từ 6,406 đến 6,745.

Y tế công lập

Y tế công lập là một dịch vụ công lập cơ bản thiết yếu mà bất cứ một nhà nước nào cũng cần đảm bảo cung ứng cho người dân. Thay vì xem xét nhà nước đầu tư gì cho y tế công lập để thực hiện nhiệm vụ đó, PAPI đo lường trải nghiệm thực tế của người dân khi đi sử dụng những dịch vụ

Thông Tin Cần Biết

tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020".



Hình ảnh



EN 5:40 PM 6/29/2012

Mục lục

Các giải pháp nâng cao Chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công” cấp tỉnh - PAPI.....	3
Kỳ 2: Nâng cao tính công khai, minh bạch- một trong các giải pháp nâng cao chỉ số “Hiệu quả Quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	7
Kỳ 3: Thực hiện tốt trách nhiệm giải trình với người dân trong “Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh” (PAPI).....	11
Các giải pháp nâng cao chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công” cấp tỉnh - Kỳ 4: Tăng cường các biện pháp kiểm soát tham nhũng	14
Các giải pháp nâng cao chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công” cấp tỉnh: Kỳ 5- Cải tiến các qui trình, thủ tục hành chính công hiệu quả	19
Các giải pháp nâng cao chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công” cấp tỉnh: Kỳ 6 - Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công	24
Chỉ số PAPI 2011 của 5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.....	29
Chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2011” - PAPI 2011	30
Chỉ số PAPI được tính như thế nào?.....	32

Các giải pháp nâng cao Chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công” cấp tỉnh - PAPI

[Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi](#)

(13/06/2012)

Chương trình cải cách hành chính công đã thực hiện trên 10 năm và đạt được một số tiến bộ đáng kể; song vẫn tồn tại nhiều khiếm khuyết, đặc biệt là chưa có một hệ thống giám sát hữu hiệu nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính công dựa trên những ý kiến đóng góp tích cực của người dân và cũng là người sử dụng dịch vụ của hệ thống hành chính công.

Bộ chỉ số Hiệu quả quản lý hành chính công cấp tỉnh (Public Administration Performance Index - PAPI) là một công cụ gồm các chỉ số thành phần được thiết kế có hệ thống nhằm đo lường và theo dõi hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam đã được triển khai với sự phối hợp chặt chẽ của Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc tại Việt Nam.

Theo Báo cáo PAPI 2011, tỉnh Quảng Ngãi nằm trong nhóm tỉnh, thành phố có chỉ số PAPI thấp, Trang thông tin điện tử tỉnh giới thiệu đến bạn đọc các nhóm giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao chỉ số PAPI của tỉnh trong thời gian tới.

Kỳ 1 Tăng cường sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở

PAPI đánh giá mức độ hiệu quả trong việc huy động sự tham gia của người dân vào xây dựng đời sống chính trị và hạ tầng ở cấp cơ sở qua việc đo lường bốn nội dung thành phần với 37 tiêu chí đánh giá, bao gồm:

- (i) Hiểu biết của công dân về các vị trí dân cử (tri thức công dân);
- (ii) Cơ hội tham gia bầu cử các vị trí dân cử (cơ hội tham gia);
- (iii) Chất lượng bầu cử vị trí trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố (chất lượng bầu cử);
- (iv) Đóng góp tự nguyện cho các công trình công cộng ở địa phương (đóng góp tự nguyện).

Phổ biến pháp luật nhằm nâng cao Tri thức công dân

Các tiêu chí đánh giá nội dung ‘tri thức công dân’ trong PAPI đề cập đến các hiểu biết của người dân về đời sống chính trị ở cơ sở và quyền của người dân được tham gia vào đời sống chính trị đó. Các nội dung, câu hỏi trong điều tra thống kê nhằm đánh giá mức độ hiểu biết của người dân về cơ hội tham gia bầu cử các vị trí dân cử. Phát hiện nghiên cứu ở toàn quốc cho thấy, trung bình người dân chỉ trả lời đúng 2/3 số câu hỏi liên quan quyền công dân trong việc bầu cử các vị trí, chức danh do dân cử.

Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Pháp lệnh THDCCS) là khuôn khổ pháp lý quan trọng quy định quyền lợi và trách nhiệm của người dân trong việc tham gia vào đời sống chính trị, xã hội ở cấp cơ sở. Kết quả thống kê toàn quốc trung bình chỉ có 33% người được hỏi biết Pháp lệnh THDCCS. Trong khi đó khẩu hiệu “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” nhằm diễn đạt một cách đơn giản nội dung chính của Pháp lệnh THDCCS trung bình có khoảng 2/3 số người được hỏi cho biết họ đã từng nghe đến câu khẩu hiệu, và tỉ lệ này cao gần gấp đôi so với tỉ lệ biết đến Pháp lệnh THDCCS. Sự chênh lệch về tỉ lệ giữa hai chỉ số thành phần này cho thấy tầm quan trọng của việc tìm kiếm các cách thức chuyển tải thông tin tới người dân hữu hiệu hơn đồng thời nâng cao nhận thức của người dân về quyền và nghĩa vụ của mình ở cơ sở.

Một chỉ số thành phần khác trong nội dung tri thức công dân tìm hiểu xem người dân có biết đến thời hạn nhiệm kỳ của vị trí trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố hay không. Trong toàn mẫu, chỉ có 7% số người được hỏi trả lời đúng đáp án. Mức độ hiểu biết của người dân về thời hạn nhiệm kỳ rất có thể dẫn tới khả năng các cấp chính quyền địa phương làm sai trong tổ chức bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố.

Tạo điều kiện, cơ hội người dân tham gia các cuộc bầu cử

Nội dung thành phần ‘cơ hội tham gia’ đánh giá cơ hội để người dân tham gia trực tiếp vào các cuộc bầu cử lựa chọn người đại diện cho dân ở các cấp. PAPI tìm hiểu người dân được tạo điều kiện như thế nào để tham gia vào đời sống chính trị thông qua bầu cử ở cấp cơ sở. Tính chung cả nước, tỉ lệ người dân tham gia đi bầu đại biểu HĐND và Quốc hội là gần như nhau với tỉ lệ tương ứng lần lượt là 71% và 66%. Vấn đề đặt ra là những tỉ lệ này thấp hơn rất nhiều so với tỉ lệ đi bầu cử được công bố rộng rãi trên các kênh báo chí truyền thông chính thức. Bên cạnh đó, nó phản ánh phần nào hiện tượng đi bầu hộ, bầu thay, đặc biệt là đối với những hộ có người đi bầu thay cho tất cả các cử tri trong hộ gia đình. Hiện tượng như vậy làm thuyên giảm chất lượng bầu cử.

Nâng cao chất lượng bầu cử

Nội dung thành phần ‘chất lượng bầu cử’ xem xét chất lượng bầu cử vị trí trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng bản, ấp trưởng, và đây là một nội dung quan trọng trong Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Các tiêu chí liên quan đến chất lượng bầu cử vị trí trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố trong PAPI được đặt ra là liệu người dân có trực tiếp đi bầu hay không, với mục đích tìm hiểu trải nghiệm thực tế của người dân khi tham gia bầu trực tiếp người đại diện cho dân ở cấp thôn/tổ dân phố. Gần 100% số người trả lời ở Quảng Bình cho biết hộ gia đình họ được mời tham gia, trong khi đó tỉ lệ này ở Quảng Ngãi là 29%. Con số trung bình toàn quốc cho thấy cơ hội tham gia bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân

phổ còn thấp, mặc dù đây là một trong những quyền lợi chính trong việc tham gia dân chủ của người dân. Về câu hỏi có từ hai ứng cử viên để dân bầu chọn hay không như quy định trong Pháp lệnh THDCCS, trên toàn quốc, chỉ có khoảng một nửa số cuộc bầu cử là có từ hai ứng cử viên trở lên để dân bầu. Dựa trên những chia sẻ ở thực địa, nhiều địa bàn dân cư gặp khó khăn trong việc tìm kiếm ứng viên cho vị trí trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố, bởi vị trí này được xem là cánh tay nối dài của lãnh đạo xã/phường. Một tiêu chí quan trọng khác được đo lường đó là liệu chính quyền địa phương có gợi ý một ứng viên cụ thể nào để dân bầu hay không. Có tới 43% số người trả lời cho biết có việc chính quyền gợi ý.

Chỉ số thành phần về tỉ lệ người đã bầu cho người đã trúng cử cho biết thêm thông tin về mức độ cạnh tranh trong các cuộc bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố. Trung bình cả nước có 91% số người được hỏi cho biết họ đã bầu cho người trúng cử. Việc thiếu cạnh tranh trong bầu cử ở cấp thôn/tổ dân phố làm giảm đi ý nghĩa của việc bầu cử do thiếu vắng khả năng áp dụng chế tài đối với người trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố không làm tròn nhiệm vụ được giao. Điều này cho thấy cần có sự thay đổi trong các biện pháp cải thiện giá trị thực tiễn của vị trí trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố trong đời sống người dân thay vì giá trị hình thức hiện nay.

Tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức đóng góp tự nguyện của người dân

Nội dung thành phần thứ tư ‘đóng góp tự nguyện’ cho biết mức độ hiệu quả huy động người dân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng trên tinh thần tự nguyện và cơ chế theo dõi và quản lý nguồn đóng góp tự nguyện của nhân dân. Nhóm chỉ tiêu này đo lường mức độ huy động người dân tham gia đóng góp bằng tiền mặt, công lao động hay hiện vật cho các dự án xây dựng công trình công cộng ở cộng đồng. Tỉ lệ trung bình toàn quốc cho thấy chỉ có 47,9% số người trả lời cho biết họ đóng góp tự nguyện, số còn lại đóng góp là do yêu cầu bắt buộc của chính quyền địa phương hoặc trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố. Loại ‘thuế’ không chính thức này có thể là gánh nặng cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo. Chỉ có khoảng một phần ba số người đã đóng góp tham gia vào quá trình quyết định tu sửa hay xây mới công trình công cộng. Trong môi trường khuyến khích sự tham gia, việc người dân đóng góp tham gia ý kiến cho dự án và lựa chọn phương án được xem là quy chuẩn.

Chỉ số thành phần khác trong nội dung thành phần này tìm hiểu ai là người giám sát thực hiện công trình công cộng để đảm bảo tiền đóng góp của dân được chi đúng mục đích và không bị lãng phí. Theo quy định của Pháp lệnh THDCCS, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng hoặc Ban Thanh tra nhân dân chịu trách nhiệm giám sát việc sử dụng tiền đóng góp của dân. Song theo kết quả khảo sát, chỉ có 1/10 số người trả lời cho biết việc giám sát là do những tổ chức cộng đồng này thực hiện. Phần lớn còn lại cho biết hoặc trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố, chính quyền xã/phường, hoặc không ai chịu trách nhiệm giám sát. Đây là một vấn đề đáng quan tâm, bởi việc thiếu vắng vai

trò giám sát của cộng đồng có thể một mặt dẫn tới khả năng tham nhũng và sai phạm trong quản lý dự án của chính quyền địa phương, mặt khác làm giảm đi tính tự nguyện tham gia đóng góp của người dân cho các công trình phúc lợi xã hội ở cộng đồng.

<p>Dưới đây là bảng tổng hợp điểm 4 nhóm nội dung trên của 5 tỉnh, thành Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011.</p> <p>Điểm số trực nội dung SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN Ở CẤP CƠ SỞ của 5 tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011</p> <p>(Khoảng tin cậy 95%)</p>	TT	Tỉnh, thành phố	Trung bình	
	1	Bình Định	5.884	
	2	Quảng Nam	5,329	
	3	Đà Nẵng	5.278	
	4	Thừa Thiên Huế	5.277	
5	Quảng Ngãi	5,049		

VQH (tổng hợp theo Báo cáo PAPI 2011); Còn tiếp Kỳ 2 Nâng cao tính công khai, minh bạch

<http://www.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/bangtin/2012/74792/>

Kỳ 2: Nâng cao tính công khai, minh bạch- một trong các giải pháp nâng cao chỉ số “Hiệu quả Quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)

(15/06/2012)

Công khai, minh bạch, hay “quyền được biết” của người dân là một trong những nội dung chính của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở (THDCCS). Theo quy định của Pháp lệnh, các quyết định, nghị quyết của các cấp, ngành quản lý nhà nước, các chính sách và quy định pháp luật của nhà nước, thu chi ngân sách cấp xã/phường, và các quyết sách khác của nhà nước đều phải được tuyên truyền, phổ biến kịp thời và rõ ràng tới mọi người dân. Quy định về những điều “dân biết” là cơ sở để người dân tham gia tích cực vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách.

Theo quy định của pháp luật, các cấp chính quyền phải thực hiện một số chính sách một cách công khai, minh bạch. PAPI đo lường hiệu quả của chính quyền địa phương trong việc đảm bảo công khai, minh bạch thông qua ba quy định chính sách, gồm:

- (i) Công khai, minh bạch về danh sách hộ nghèo;
- (ii) Công khai, minh bạch về thu chi ngân sách cấp xã/phường;
- (iii) Công khai, minh bạch trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất bị thu hồi.

Công khai, minh bạch về danh sách hộ nghèo

Nội dung thành phần này tìm hiểu mức độ công khai, minh bạch trong việc lập và thông tin về danh sách hộ nghèo. Danh sách hộ nghèo là một công cụ chính sách an sinh xã hội quan trọng, đặc biệt đối với những địa phương còn nghèo. Một khi hộ gia đình được xếp vào diện hộ nghèo, hộ gia đình đó sẽ nhận được nhiều ưu đãi về an sinh xã hội, chẳng hạn như được vay vốn từ các chương trình tín dụng nhỏ hoặc được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Các chỉ số thành phần trong PAPI tìm hiểu xem danh sách hộ nghèo có được công bố công khai cho người dân được biết theo như quy định của Pháp lệnh THDCCS. Trên toàn quốc, chỉ có khoảng nửa số người trả lời (53,55%) xác nhận danh sách hộ nghèo được công khai.

Hai chỉ số thành phần tiếp theo xem xét khía cạnh chất lượng của danh sách hộ nghèo. Đánh giá một số vấn đề, như có những hộ trên thực tế rất nghèo nhưng lại không được đưa vào danh sách hộ nghèo; hoặc do thiếu sót trong quá trình lập danh sách, hoặc người lập danh sách cố ý làm sai để hưởng lợi hoặc thống kê sai lệch. Có thể nhiều hộ thực nghèo nhưng không được hưởng các chính sách an sinh xã hội của nhà nước mặc dù họ đáp ứng đủ điều kiện. Trên toàn quốc, có khoảng một phần ba số người được

hỏi (36,9%) cho biết có hiện tượng sai lệch như vậy xảy ra ở địa bàn xã/phường họ sinh sống.

Công khai thu chi ngân sách của xã, phường

Việc công khai và thông tin đầy đủ về nội dung của bảng kê thu chi ngân sách cấp xã/phường là rất cần thiết để tránh sai phạm trong quản lý công quỹ. Một chỉ số thành phần cho biết mức độ tuân thủ quy định về việc công khai thu chi ngân sách hàng năm với người dân theo Pháp lệnh THDCCS; kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 29,8% số người được hỏi cho biết xã/phường nơi họ đang sinh sống có công bố công khai các khoản thu chi ngân sách. Điều này cho thấy các cấp chính quyền cơ sở cần phải công khai thông tin quan trọng này với người dân, tránh tuân thủ quy định một cách hình thức. Chỉ số thành phần cuối cùng của nội dung thành phần này cho biết chất lượng của thông tin đã được công khai qua câu hỏi người dân về mức độ tin cậy vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã được công bố; trung bình toàn quốc có khoảng 2/3 số người đã đọc hoặc xem bảng kê thu chi ngân sách của xã/phường và tin vào tính chính xác của thông tin được công bố. Khoảng cách giữa các tỉnh/thành phố thuộc nhóm có điểm cao nhất và nhóm có điểm thấp nhất là khá rộng, thể hiện qua tỉ lệ người dân tin vào độ chính xác của thông tin; ở Tiền Giang là 94,74%, trong khi tỉ lệ này ở Vĩnh Long chỉ là 41,6%. Bà Rịa-Vũng Tàu đạt điểm cao nhất ở 2,3 điểm, và Vĩnh Long đạt điểm thấp nhất ở 1,34 điểm.

Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đền bù thu hồi đất

Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, đặc biệt là trong quá trình quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất, đền bù thu hồi đất là việc làm hết sức bức thiết hiện nay ở các địa phương. Quản lý đất đai là một trong những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng nhất và dễ dẫn tới căng thẳng và xung đột giữa chính quyền địa phương với người dân. Do vậy, PAPI tập trung vào lĩnh vực này nhiều hơn. Nội dung thành phần này được cấu thành từ 9 chỉ số thành phần, một lượng chỉ số lớn nhất trong toàn bộ các nội dung thành phần PAPI nghiên cứu.

Chỉ số thành phần thứ nhất cho biết mức độ người dân được thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện nay của xã/phường nơi họ cư trú. Theo quy định của Pháp lệnh THDCCS, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được ban hành đồng thời với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và các chính sách, quy định khác của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy chỉ có gần 20% người trả lời trên toàn quốc được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chỉ có 3,4% người dân Trà Vinh được biết thông tin quan trọng này. Ở Thái Bình, địa phương có tỉ lệ người dân được biết thông tin quy hoạch đất đai nhiều nhất trong cả nước cũng chỉ có 56,4% người dân được biết thông tin.

Cũng như ở các quy trình lập kế hoạch có người dân tham gia đóng góp ý kiến, Pháp lệnh THDCCS đòi hỏi các cấp chính quyền địa phương tạo điều kiện cho người dân tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trước khi phê duyệt. Kết quả khảo sát ở chỉ số thành phần này không mấy khả quan, bởi chỉ có 6,19% số người trả lời cho biết họ có cơ hội được tham gia đóng góp ý kiến. Nghệ An dường như làm tốt hơn cả mặc dù cũng chỉ có 19% số người trả lời cho biết họ có dịp góp ý, trong khi đó tỉ lệ này ở Bắc Giang chỉ là 0,35%. Kết quả ở chỉ số thành phần này cho thấy dường như người dân vẫn chưa có nhiều tiếng nói trong lĩnh vực quy hoạch đất đai hết sức quan trọng ở địa phương. Trong số những người đã có cơ hội góp ý cho dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, 81,12% cho biết ý kiến của họ đã được tiếp thu.

Chỉ số thành phần tiếp theo đánh giá tác động của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong thời gian gần nhất đến hộ gia đình. PAPI cũng xem xét tác động của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ một góc nhìn khác, đó là hộ gia đình của người trả lời hay người dân cùng xã/phường có bị thu hồi (mất) đất do hệ quả của quy hoạch, kế hoạch đó hay không; trung bình cả nước có 71,38% số người trả lời cho biết hộ gia đình không bị thu hồi đất. Một phát hiện nghiên cứu quan trọng nữa đó là trong số gần 30% số hộ gia đình bị thu hồi đất, chỉ có một số ít cho biết giá đền bù đất là xấp xỉ giá thị trường. Trung bình chung toàn quốc chỉ có 12,86% số hộ gia đình bị mất đất cho biết giá đền bù gần với giá thị trường. Vấn đề đền bù thu hồi đất vẫn còn nan giải và đang tạo ra dư luận về khả năng tham nhũng đất đai của các nhóm lợi ích và cũng là nguyên nhân chính dẫn tới những bất bình trong người dân, số lượng khiếu kiện đất đai ngày một tăng và làm giảm sút niềm tin của người dân vào các cấp chính quyền.

Chỉ số thành phần về việc công khai mục đích sử dụng đất thu hồi của người dân có tín hiệu khả quan hơn. Trung bình cả nước có 93,12% số hộ gia đình bị thu hồi đất cho biết họ được thông tin về mục đích sử dụng sau thu hồi.

Chỉ số cuối cùng trong nội dung thành phần này là về việc người dân sẽ làm gì khi muốn tìm hiểu về bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương. Chỉ số này có ý nghĩa bởi khi người dân không biết làm thế nào để có được thông tin về khung giá đất, họ rất có thể trở thành nạn nhân của hành vi cố ý làm sai của cán bộ chính quyền và các chủ dự án liên quan đến đất đai và giá đền bù. Trên toàn quốc, chỉ có 38,25% số người được hỏi cho biết họ sẽ làm gì để có được thông tin. Nói cách khác, có tới gần 2/3 số người dân không biết tới đâu để tìm kiếm thông tin về khung giá đất đã được chính quyền địa phương chính thức ban hành.

Kết quả chung của nội dung thành phần về công khai, minh bạch trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đền bù thu hồi đất là thấp nhất trong toàn bộ nội dung công khai, minh bạch; điểm số trung bình toàn quốc ở nội dung thành phần này chỉ đạt

1,56 trên 3,33 điểm. Thái Bình là tỉnh đạt điểm số cao nhất ở mức 1,90 điểm và Hải Phòng đạt điểm số thấp nhất ở mức 1,25 điểm.

Dưới đây là bảng tổng hợp điểm số nội dung công khai, minh bạch của 5 tỉnh, thành Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011.

Điểm số trực nội dung CÔNG KHAI, MINH BẠCH của 5 tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011 (Khoảng tin cậy 95%)	TT	Tỉnh, thành phố	Trung bình
	1	Quảng Nam	5,717
	2	Bình Định	5.682
	3	Đà Nẵng	5.456
	4	Thừa Thiên Huế	5.354
	5	Quảng Ngãi	5,306

VQH

Còn tiếp Kỳ 3 Thực hiện tốt trách nhiệm giải trình với người dân

<http://www.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/bangtin/2012/74853/>

Kỳ 3: Thực hiện tốt trách nhiệm giải trình với người dân trong “Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh” (PAPI)

(18/06/2012)

Trục nội dung về trách nhiệm giải trình với người dân trong PAPI được cấu thành từ ba nội dung thành phần, bao gồm:

- (i) Mức độ và hiệu quả khi người dân tiếp xúc với các cấp chính quyền;
- (ii) Ban Thanh tra nhân dân (Ban TTND);
- (iii) Ban Giám sát đầu tư cộng đồng (Ban GSĐTCD).

Nội dung thành phần thứ nhất về mức độ và hiệu quả tương tác giữa người dân với các cấp chính quyền được tập trung phân tích, việc chính quyền địa phương chịu trách nhiệm trước người dân về việc thực hiện các chính sách của nhà nước, đồng thời lắng nghe những tâm tư, bức xúc của người dân. Trên tinh thần đó, người dân tìm đến các cấp chính quyền để yêu cầu hỗ trợ giải quyết các khúc mắc của cá nhân, gia đình, hàng xóm, hoặc với chính quyền địa phương lên các cấp chính quyền. Nội dung thành phần thứ hai và thứ ba tìm hiểu mức độ hiểu biết của người dân về Ban TTND và Ban GSĐTCD về tác dụng cũng như hiệu quả của các ban này với chức năng là thiết chế đảm bảo trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền với người dân. Ban TTND và Ban GSĐTCD là hai cơ chế giám sát ở cấp cộng đồng để người dân thực hiện quyền “dân kiểm tra” theo tinh thần của Pháp lệnh THDCCS.

Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền

Nội dung thành phần này chỉ báo mức độ và hiệu quả tương tác giữa người dân và các cấp chính quyền địa phương khi người dân có nhu cầu giải quyết khúc mắc của cá nhân, gia đình, hàng xóm hoặc liên quan tới chính quyền địa phương.

Dường như trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố là người đầu tiên mà người dân đến để giải bày bức xúc. Trong số các vị trí được hỏi chỉ có gần 11% số người trả lời cho biết họ đã đến gặp chủ tịch UBND xã/phường. Việc người dân lên gặp lãnh đạo UBND cấp huyện và cấp tỉnh còn thấp hơn rất nhiều.

Điều đáng lưu ý là trong số những người đã tiếp xúc với trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố, đa số cho rằng cuộc gặp đó đã có tác dụng tốt. Tỷ lệ người dân chia sẻ tác dụng tốt của lần gặp gỡ, tiếp xúc với trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố trên toàn quốc là 87,96%. Tương tự như vậy, gần 80,5% số người đã liên hệ với lãnh đạo UBND xã/phường cho biết cuộc gặp của họ là có tác dụng.

Chỉ số thành phần tiếp theo cho biết tỉ lệ người dân đã đóng góp ý kiến xây dựng với chính quyền địa phương, với ý nghĩa dự báo về một môi trường quản trị cởi mở và thân thiện tạo điều kiện cho người dân tham gia đóng góp xây dựng chính quyền. Trung bình toàn quốc có 23,36% số người được hỏi cho biết họ đã trực tiếp góp ý xây dựng với chính quyền trong vòng một năm trở lại. Một phát hiện đáng chú ý đó là khi người dân tham gia đóng góp ý kiến với chính quyền, họ thường hài lòng với mức độ tiếp nhận ý kiến của chính quyền địa phương. Khoảng 87% số người đã tham gia góp ý kiến trên toàn quốc cho biết việc làm của họ có tác dụng nhất định. Tỉ lệ này thấp nhất ở Quảng Ngãi, song cũng xấp xỉ 70%. Một diễn giải cho hiện tượng này có thể là những người đã tham gia góp ý với chính quyền thường là người có trình độ học vấn cao hơn và có mối quan hệ tốt hơn với chính quyền. Mặc dù vậy đây cũng là một phát hiện nghiên cứu qua đó đòi hỏi cần có sự quan tâm hơn tới mức độ và cấp độ tương tác giữa người dân với chính quyền. Cho tới nay đã có nhiều nỗ lực trong công tác ‘dân vận’ do các cơ quan, đoàn thể tham gia thực hiện nhằm hỗ trợ quá trình thực thi chính sách ở trung ương và địa phương, song những phát hiện nghiên cứu nêu trên cho thấy cần có nhiều nỗ lực hơn nữa trong việc tạo điều kiện cho người dân chủ động tham gia xây dựng chính quyền và tương tác với các cấp chính quyền. Nói cách khác, công tác ‘dân vận’ “cần phải thay đổi theo hướng nhìn nhận người dân là chủ thể của quá trình phát triển”.

Ban Thanh tra nhân dân

Ban TTND là cơ chế để người dân yêu cầu các cấp chính quyền giải trình, đã được đưa vào vận dụng từ năm 2004. Trên toàn quốc có khoảng 33,84% số người được hỏi cho biết ở địa bàn xã/phường của họ có Ban TTND; trong số này chỉ có gần 44% cho biết Ban TTND được thành lập theo hình thức chuẩn là do dân bầu. Hơn một nửa trong số đó cho biết Ban TTND là do HĐND, UBND và MTTQ cấp xã/phường thiết lập nên. Tỉ lệ người dân cho biết Ban TTND được bầu đúng quy trình dưới mức 50%.

Chỉ số thành phần cuối cùng về hoạt động của Ban TTND có dấu hiệu khả quan hơn: có tới 78,7% số người biết có sự tồn tại của Ban TTND ở xã/phường cho rằng những ban này có hoạt động trên thực tế.

Ban Giám sát đầu tư cộng đồng

Nội dung thành phần này bàn về mức độ phổ biến và hiệu quả của Ban GSĐTCD thông qua hai chỉ số thành phần. Chỉ số thành phần thứ nhất chỉ báo mức độ phổ biến của Ban GSĐTCD dựa trên thông tin tỉ lệ người dân cho biết ở địa bàn xã/phường của họ có Ban GSĐTCD hay không. Trên toàn quốc, có khoảng 14,5% số người được hỏi cho biết xã/phường của họ có Ban GSĐTCD. Điểm khác biệt về tỉ lệ người dân cho biết có sự tồn tại của Ban GSĐTCD và Ban TTND không gây ngạc nhiên, bởi được biết qua trao đổi ở các địa bàn khảo sát, Ban TTND phổ biến hơn Ban GSĐTCD và ở

nhiều nơi Ban TTND kiêm nhiệm cả các nhiệm vụ của Ban GSĐTCD. Tìm hiểu về mức độ hiệu quả của Ban GSĐTCD bằng cách hỏi những người đã cho biết ở địa bàn xã/phường của họ có Ban GSĐTCD, trên toàn quốc có 81,65% cho biết Ban GSĐTCD có hoạt động trên thực tế.

Trong những năm qua, chính quyền cũng đã đầu tư nhiều nỗ lực để thành lập các Ban TTND và Ban GSĐTCD với vai trò đảm bảo trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền với người dân. Song, theo phản ánh trên đây của người dân thì nhiều người không thấy có sự tồn tại của các Ban này ở địa phương, và vô hình trung đặt ra câu hỏi về tính hình thức, sự tồn tại và tính hiệu quả thực sự của các ban này.

Dưới đây là bảng tổng hợp điểm số nội dung trách nhiệm giải trình với người dân của 5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011.

Điểm số trực nội dung TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH VỚI NGƯỜI DÂN của 5 tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011 (Khoảng tin cậy 95%)	TT	Tỉnh, thành phố	Trung bình
	1	Bình Định	6,005
	2	Đà Nẵng	5.790
	3	Quảng Ngãi	5,578
	4	Quảng Nam	5,409
	5	Thừa Thiên Huế	5.331

VQH

Còn tiếp Kỳ 4 Tăng cường các biện pháp kiểm soát tham nhũng

<http://www.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/bangtin/2012/74896/>

Các giải pháp nâng cao chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công” cấp tỉnh - Kỳ 4: Tăng cường các biện pháp kiểm soát tham nhũng

(20/06/2012)

Ở nội dung này, PAPI tìm hiểu trải nghiệm và cảm nhận của người dân về bốn loại hành vi tham nhũng nhỏ, bao gồm:

- (i) Tham nhũng trong cán bộ chính quyền;
- (ii) Tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công;
- (iii) Tình trạng ‘vị thân’ trong khu vực nhà nước;
- (iv) Mức độ quyết tâm phòng chống tham nhũng của chính quyền tỉnh/thành phố.

Từ kết quả khảo sát, PAPI đo lường mức độ hiệu quả trong kiểm soát tham nhũng của các cấp chính quyền trong bốn lĩnh vực trên.

Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương

Ở nội dung thành phần này, người dân được hỏi về quan sát trực quan của họ đối với một số nhận định cho trước về một số tình huống có tham nhũng nhỏ xảy ra liên quan đến cán bộ, công chức ở địa phương. Một phần nội dung được trao đổi với người dân là về trải nghiệm thực tế của cá nhân họ với các tình huống đó. Với nhận thức rằng người trả lời có thể cảm thấy các câu hỏi về tham nhũng là nhạy cảm, các câu hỏi được diễn đạt theo hướng tìm hiểu quan điểm nhằm nắm bắt được trải nghiệm thực tế của người dân về các vấn đề được nêu ra trong Bộ phiếu hỏi.

Về các hành vi dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng và nhận hối lộ khi xử lý thủ tục hành chính liên quan đến chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng, các tỉ lệ % số người được hỏi ở các tỉnh thành là không có hiện tượng cán bộ chính quyền sử dụng công quỹ sai mục đích, người dân không phải đưa hối lộ để nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người dân không phải đưa hối lộ khi đi xin cấp phép xây dựng là khá cách biệt. Trong số 5 thành phố trực thuộc trung ương, TP. Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng là thuộc trong nhóm 30 tỉnh thành/phố có điểm số cao ở các tiêu chí này. TP. Hà Nội và TP. Hải Phòng thuộc về nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng cuối bảng.

Những hành vi tham nhũng nhỏ và những nhiễu này dường như phổ biến hơn ở TP. Hà Nội khi so với TP. Hồ Chí Minh nơi mà tỉ lệ người dân cho biết không có hiện tượng cán bộ dùng công quỹ sai mục đích là 62,03% và người dân không phải đưa hối lộ khi đi làm thủ tục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 55,54%.

Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công

Nội dung thành phần này đo lường mức độ tham nhũng theo trải nghiệm và cảm nhận của người dân khi đi khám, chữa bệnh ở bệnh viện tuyến huyện/quận và sử dụng dịch vụ giáo dục tiểu học công lập. Qua các chỉ số thành phần cấu thành nên nội dung thành phần này, có thể thấy được mức độ cố gắng trong kiểm soát tham nhũng của các cấp chính quyền địa phương nhằm giảm thiểu những hành vi nhũng nhiễu trong dịch vụ công.

Ở cấp quốc gia, 46,52% số người trả lời cho rằng không cần phải đưa hối lộ để được quan tâm chăm sóc tốt hơn khi đi khám, chữa bệnh ở bệnh viện tuyến huyện/quận và 59,14% cho rằng phụ huynh học sinh tiểu học không cần phải đưa hối lộ để con em mình được quan tâm hơn. Song cũng có tới 50,18% số người đã đi khám, chữa bệnh hoặc có người thân đi khám, chữa bệnh ở bệnh viện tuyến huyện/quận cho biết đã hối lộ cán bộ y tế để được chăm sóc tốt hơn. Mức tiền hối lộ trung bình trên toàn quốc ở bệnh viện tuyến huyện/quận là 2,6 triệu VNĐ, và ở trường tiểu học để học sinh được quan tâm đặc biệt hơn là 1,2 triệu VNĐ.

Cũng tương tự như ở nội dung thành phần trên, không có tỉnh/thành phố nào được đánh giá gần với mức độ hoàn hảo là 100%. Có sự khác biệt lớn khi xét đến trải nghiệm thực tiễn của người dân đối với vấn đề hối lộ ở bệnh viện công lập tuyến huyện/quận. Hành vi nhũng nhiễu này dường như xảy ra thường xuyên ở bệnh viện tuyến quận/huyện ở tỉnh Quảng Ngãi, bởi có tới 100% số người trả lời hoặc trực tiếp hoặc đưa người thân đi khám, chữa bệnh cho biết đã phải đưa thêm tiền ngoài quy định cho y, bác sĩ. Tỷ lệ này ở tỉnh Đắk Nông là thấp nhất với 19,83%. Tỉnh Bình Phước có số người dân phản ánh tình trạng tương tự rất gần với số trung bình toàn quốc, với tỷ lệ 55,05%.

Về số tiền đã phải chi ngoài quy định cho y, bác sĩ, con số trung vị cấp tỉnh được người dân cho biết thông qua khảo sát có giá trị lớn nhất là 29,2 triệu VNĐ ở tỉnh Cà Mau, và thấp nhất là ở Điện Biên với 5 nghìn VNĐ. Những con số này cho thấy “chung chi” hay “quà cảm ơn” mà bệnh nhân hay người nhà bệnh nhân thường ‘phong bì, phong bao’ cho cán bộ y tế theo cách mà nhiều người gọi là ‘văn hóa phong bì’ đã thành thông lệ. Vấn đề đặt ra là ranh giới giữa một giá trị mang tính cảm ơn qua 5 nghìn VNĐ với một giá trị lên tới gần 30 triệu VNĐ dễ dẫn đến sự nhầm lẫn và dễ chấp nhận hành vi tham nhũng vặt trong lĩnh vực y tế. “Quà cảm ơn” vô hình trung lại dẫn tới hệ quả là cơ chế “xin-cho” có đất để sống và tham nhũng trở thành một vấn nạn mang tính hệ thống.

Về số tiền chi ngoài quy định ở trường tiểu học, giá trị trung vị lớn nhất là ở Hải Phòng với mức 11,2 triệu VNĐ, và số tiền trung vị thấp nhất là gần bằng giá trị ‘0’ ở

Quảng Ninh. Đây là những thái cực đáng lưu ý, đặc biệt là khi so sánh với giá trị trung vị là 713.153 VNĐ ở Bình Dương và 1,2 triệu VNĐ của toàn quốc.

Công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực nhà nước

Nội dung thành phần này gồm hai chỉ số thành phần đo lường cảm nhận của người dân về mức độ công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào cơ quan nhà nước, đó là:

- (i) Không phải đưa tiền ‘lót tay’ khi xin việc làm trong cơ quan nhà nước;
- (ii) Không có hiện tượng phải quen biết, có mối quan hệ cá nhân với người có chức quyền (vị thân) mới được tuyển dụng vào làm ở 5 vị trí cụ thể trong cơ quan nhà nước.

Hiện tượng phải đưa tiền ‘lót tay’ để xin việc làm trong cơ quan nhà nước dường như phổ biến trên phạm vi toàn quốc. Trung bình trên cả nước chỉ có 40,33% cho biết không có hiện tượng này.

Mối quan hệ cá nhân là rất quan trọng đối với những người muốn theo đuổi sự nghiệp ở cả 5 vị trí trong khu vực công được khảo sát. Điều này được thể hiện qua sự khác biệt không đáng kể giữa các tỉnh/thành phố; tính chất phổ biến và hệ thống của tình trạng ‘vị thân’ trong khu vực nhà nước, thậm chí ở cả vị trí thấp nhất trong hệ thống chính quyền. Giữa các vùng miền cũng có sự khác biệt đáng kể. Trong khi 8 trong 10 tỉnh/thành phố đứng đầu bảng là các địa phương ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thì nửa số tỉnh/thành phố trong nhóm cuối bảng là các địa phương ở phía Bắc. Đặc điểm vùng miền này đã được phản ánh qua khảo sát PAPI; Tiền Giang là địa phương có tỉ lệ người dân cho rằng quan hệ thân quen đóng vai trò quan trọng thấp nhất so với cả nước. Trong tổng số 5 vị trí được đo lường, thì Tiền Giang đạt 2,02 điểm (trên 5 điểm), có nghĩa là theo đánh giá của người dân Tiền Giang, việc thân quen là không quan trọng ở khoảng 2 trong số 5 vị trí, cao hơn so với điểm trung bình toàn quốc là 1,06. Điểm của tỉnh Bắc Giang chỉ đạt 0,35, thấp hơn nhiều với điểm của Tiền Giang, cho thấy mối quan hệ cá nhân với người có chức quyền khi xin việc vào làm ở khu vực nhà nước ở tỉnh Bắc Giang là quan trọng ở cả 5 vị trí.

Quyết tâm chống tham nhũng

Nội dung thành phần này đo lường quyết tâm phòng chống tham nhũng của chính quyền địa phương và hiệu quả của việc khuyến khích người dân tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng thông qua các chỉ số đo lường nhận thức và trải nghiệm. Các chỉ số về nhận thức bao gồm:

- (i) Tỉ lệ người dân biết đến Luật Phòng, chống tham nhũng (Luật PCTN),
- (ii) Tỉ lệ người dân cho biết chính quyền tỉnh/thành phố nghiêm khắc trong việc xử lý các vụ việc tham nhũng ở địa phương,

(iii) Mức tiền đòi hỏi lộ khiến người dân tố cáo hành vi vôi vĩnh của cán bộ chính quyền cấp xã/phường.

Trên toàn quốc, tỉ lệ người trả lời phỏng vấn biết đến Luật PCTN là 42,45%. Tỉ lệ này cao hơn so với tỉ lệ người dân biết đến Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (34,14%). Tuy nhiên, số người dân cho rằng chính quyền tỉnh/thành phố nghiêm khắc trong xử lý các vụ việc tham nhũng thấp hơn nhiều; trên toàn quốc, chỉ có 22,95% số người được hỏi cho rằng chính quyền tỉnh/thành phố của họ đã nghiêm khắc trong xử lý các vụ việc tham nhũng được phát hiện. Tỉ lệ này ở Hà Nội là cao nhất (50,66%), ở Bạc Liêu là thấp nhất (5,39%).

Về mức độ chịu đựng hành vi vôi vĩnh của cán bộ chính quyền địa phương, giá trị trung vị toàn quốc của khoản hồi lộ khiến người dân phải tố cáo cho cả hai vị trí được hỏi (gồm cán bộ UBND xã/phường và công an xã/phường) là 5,5 triệu VNĐ. Người dân Thái Bình dường như có sức chịu đựng lớn hơn cả, bởi nhìn chung người dân cho rằng họ sẽ không tố cáo nếu số tiền bị vôi vĩnh chưa lên đến 15,18 triệu VNĐ. Ngược lại, người dân Kiên Giang nói chung cho rằng họ sẽ tố cáo hành vi đòi hồi lộ của cán bộ xã/phường nếu số tiền đó là từ 1,42 triệu VNĐ trở lên.

Về trải nghiệm thực tế, người trả lời phỏng vấn dường như rụt rè hơn khi kể về sự việc bị vôi vĩnh mà cá nhân hoặc hộ gia đình mình đã trải qua. Chính vì vậy những chỉ số về nhận thức ở trên là quan trọng bởi qua đó có thể diễn giải được cảm nhận của người dân đối với tình hình tham nhũng. Khi được hỏi về việc trong thời gian 12 tháng vừa qua, cá nhân hoặc người thân trong gia đình có bị vôi vĩnh đưa hồi lộ hay không, trên toàn quốc có tới 95,39% số người trả lời cho biết họ chưa là nạn nhân. Tỉ lệ này ở tỉnh Bến Tre là cao nhất (99,99%) và ở tỉnh Kiên Giang là thấp nhất (79,18%). Trong số 330 người trả lời trên toàn quốc cho biết cá nhân họ hoặc người thân trong gia đình đã bị cán bộ xã/phường vôi vĩnh thì chỉ có 13,27% cho biết họ đã tố cáo. Những lý do người dân giải thích về việc tại sao mặc dù là nạn nhân của tham nhũng nhưng họ không tố cáo rất đa dạng: 47,45% cho biết tố cáo không mang lại lợi ích gì; 12,77% sợ bị trù úm, trả thù; 11,31% thấy rằng thủ tục tố cáo quá rườm rà, 10,22% không biết tố cáo như thế nào, và số còn lại đưa ra nhiều lý do khác nhau hoặc từ chối không trả lời câu hỏi. Điều đáng lưu tâm là có sự khác biệt rất lớn giữa các tỉnh/thành phố: có tới 100% số người bị vôi vĩnh ở Vĩnh Long cho biết họ đã tố cáo, trong khi đó tỉ lệ này ở Bắc Kạn là 0%. Người dân ở hầu hết các tỉnh/thành phố chọn phương án không tố cáo, thể hiện qua tỉ lệ ở vị trí trung vị là 0.83% tương ứng với Phú Yên.

Dưới đây là bảng tổng hợp điểm số nội dung kiểm soát tham nhũng trong khu vực công của 5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011

Điểm số trực nội dung KIỂM SOÁT THAM NHỮNG TRONG KHU VỰC CÔNG của 5 tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011	TT	Tỉnh, thành phố	Trung bình
(Khoảng tin cậy 95%)	1	Bình Định	6,975
	2	Quảng Nam	6,623
	3	Đà Nẵng	6,156
	4	Quảng Ngãi	6,014
	5	Thừa Thiên Huế	5,821

VQH

Còn tiếp, Kỳ 5 - Cải tiến các qui trình, thủ tục hành chính công hiệu quả

<http://www.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/bangtin/2012/74970/>

Các giải pháp nâng cao chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công” cấp tỉnh: Kỳ 5- Cải tiến các quy trình, thủ tục hành chính công hiệu quả

(25/06/2012)

Nội dung này đo lường một số loại dịch vụ hành chính được xem là quan trọng đối với người dân, qua đó tìm hiểu mức độ hiệu quả cung ứng dịch vụ và chất lượng dịch vụ hành chính công của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (hay còn gọi là bộ phận ‘một cửa’). PAPI đo lường trải nghiệm thực tiễn của người dân khi tương tác, giao dịch với các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương để làm các thủ tục liên quan đến chứng thực/xác nhận, quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng và các loại giấy tờ cá nhân khác nhằm phục vụ các quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Các chỉ số thành phần cấu thành trực nội dung này chỉ báo mức độ hiệu quả của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương liên quan đến sáu yếu tố tạo nên một nền hành chính chuyên nghiệp và đáp ứng nhu cầu của người sử dụng dịch vụ, đó là: sự tiện lợi, tính bảo đảm, độ tin cậy, quan tâm đến cá nhân và chủ động tìm giải pháp giải quyết vấn đề, tính công bằng và trách nhiệm giải trình. Bốn nội dung thành phần được tập trung phân tích để tìm hiểu hiệu quả cung ứng dịch vụ hành chính công đó là:

- (i) Chứng thực, xác nhận;
- (ii) Thủ tục xin cấp phép xây dựng;
- (iii) Thủ tục xin cấp mới, cấp đổi và chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
- (iv) Một số thủ tục khác liên quan đến cá nhân và hộ gia đình.

Kết quả nghiên cứu và đề xuất của một số lãnh đạo các bộ, ngành liên quan và một số chuyên gia đã sử dụng dữ liệu PAPI đều cho rằng dịch vụ chứng thực và xác nhận được người dân sử dụng nhiều hơn so với dịch vụ công chứng nhà nước ở cấp tỉnh; PAPI ngoài việc đo lường hai loại thủ tục về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng còn mở rộng ra các loại thủ tục hành chính khác bởi hai loại thủ tục này thường phổ biến hơn ở khu vực đô thị. Kết quả rà soát các loại thủ tục hành chính được thực hiện qua bộ phận ‘một cửa’ cho thấy phần lớn các loại giấy tờ cá nhân mang tính dân sự được giao cho chính quyền cấp huyện/quận và cấp xã chứng thực, xác nhận.

Một câu hỏi trong nội dung này như người xin cấp mới, cấp đổi hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong vòng 3 năm qua đã nhận được kết quả cuối cùng hay chưa; và nếu đã nhận được thì sau thời gian bao lâu. Các câu hỏi tương tự cũng được sử dụng

về thủ tục xin cấp phép xây dựng, với dụng ý tìm hiểu những vấn đề liên quan tới chất lượng và thời gian đáp ứng dịch vụ ở bộ phận ‘một cửa’ thực hiện cấp phép xây dựng cho người dân.

Một nội dung thành phần được bổ sung vào Bộ phiếu hỏi PAPI năm 2011 nhằm tìm hiểu chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công ở cấp xã/phường thông qua 8 loại thủ tục hành chính. Những thủ tục này được lựa chọn dựa trên cơ sở nhu cầu thực tế của người dân, và những thủ tục này được xem là phổ biến ở khu vực nông thôn hơn khi so với thủ tục về chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng nhằm cân đối phần nào yếu tố đô thị và nông thôn trong thước đo về thủ tục hành chính. Đây cũng là những thủ tục được thực hiện ở UBND xã/phường, và phù hợp với mục đích của PAPI trong việc đo lường đến cấp hành chính thấp nhất trong bộ máy hành chính. Các câu hỏi tìm hiểu xem các cá nhân đi làm một loại hoặc một số loại trong số những thủ tục đó có phải gặp nhiều người hay qua nhiều cơ quan hành chính mới được việc hay không và đánh giá của họ về chất lượng cung ứng dịch vụ công của các UBND cấp xã/phường.

Dịch vụ chứng thực, xác nhận

PAPI tìm hiểu trải nghiệm của người dân khi sử dụng dịch vụ chứng thực/xác nhận ở cấp huyện/quận và xã phường. Qua đó, người dân có cơ hội được phản ánh về chất lượng cung ứng dịch vụ công của UBND xã/phường, phòng tư pháp quận/huyện hoặc ở các cơ quan hành chính địa phương. Các câu hỏi cụ thể được nêu để tìm hiểu về mức độ rõ ràng của thủ tục cần làm, mức phí có được công khai hay không, thái độ của công chức tiếp dân, mức độ thạo việc của công chức, mức độ đơn giản về thủ tục, hạn lịch nhận kết quả và nhận được kết quả như lịch hẹn và mức độ hài lòng chung sau khi sử dụng dịch vụ.

Dịch vụ chứng thực, xác nhận được sử dụng nhiều nhất trong bốn loại dịch vụ và thủ tục hành chính được nghiên cứu. Trong tổng số 13.642 người trả lời, 38,82% đã đi lấy chứng thực, xác nhận của chính quyền cấp huyện/quận hoặc xã/phường, trong đó có tới 92% đi làm ở UBND xã/phường và chỉ có 5% làm ở phòng tư pháp huyện/quận. Điều này phần nào phản ánh hiệu quả của việc phân cấp, phân quyền trong công tác chứng thực, xác nhận đến cấp xã/phường, làm cho dịch vụ hành chính này đến gần với người dân hơn. Điểm số trung bình toàn quốc ở nội dung thành phần này là 1,68, và dao động trong khoảng từ 1,66 đến 1,71 nếu xét với khoảng tin cậy 95%.

Dịch vụ và thủ tục cấp phép xây dựng

Theo quy định của pháp luật, chủ dự án xây dựng muốn xây nhà, mở rộng hoặc cải tạo nhà đang ở trên mức cơ bản phải được cấp giấy phép xây dựng (với một số ngoại lệ dành cho người dân ở vùng xa, vùng núi). Cụm câu hỏi về giấy phép xây dựng được thiết kế theo hướng tạo điều kiện cho người trả lời nhớ lại trải nghiệm thực tế khi đi

xin cấp phép thay vì đưa ra các nhận xét dựa trên cảm nhận. Cũng giống với các chỉ số thành phần trong nội dung về chứng thực, xác nhận, người trả lời có cơ hội đánh giá các tiêu chí về mức độ rõ ràng của thủ tục cần làm, mức phí có được công khai hay không, thái độ của công chức tiếp dân, mức độ thạo việc của công chức, mức độ đơn giản về thủ tục, hạn lịch nhận kết quả và nhận được kết quả như lịch hẹn và mức độ hài lòng chung sau khi sử dụng dịch vụ.

Trong tổng số 2.526 người dân trong toàn mẫu khảo sát đã thực hiện xây mới hoặc cải tạo nhà xưởng của gia đình trong vòng 3 năm qua, gần 39% cho biết đã xin cấp phép xây dựng, so với 45% cho biết họ không cần xin cấp phép và trên 16% cho biết ở địa bàn dân cư của họ chưa thực hiện cấp phép xây dựng. Điểm số trung bình toàn quốc ở nội dung thành phần này đạt 1,77 trên thang điểm từ 0,25-2,5 điểm, cao hơn so với điểm trung bình ở dịch vụ chứng thực, xác nhận và thủ tục về chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng cách điểm số giữa 63 tỉnh/thành phố tương đối nhỏ. Tỉnh Phú Thọ đạt điểm trung bình cao nhất với 1,92 điểm. Tỉnh Quảng Ngãi đạt điểm nhất với chỉ 1,55 điểm. Trong số những người cho biết cá nhân hoặc thành viên trong hộ gia đình đã xin cấp phép xây dựng, 92,86% cho biết họ không phải đi qua nhiều ‘cửa’ hay gặp nhiều người mới làm xong thủ tục.

Dịch vụ và thủ tục về chứng nhận quyền sử dụng đất

Cụm câu hỏi về thủ tục liên quan đến chứng nhận quyền sử dụng đất được cải tiến trong PAPI năm 2011 để bổ sung thêm các loại thủ tục liên quan đến chứng nhận quyền sử dụng đất mà người dân thường làm. Những loại thủ tục đó bao gồm thủ tục đề nghị cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong số 1.469 người trả lời (chiếm 10,64% tổng mẫu khảo sát) cho biết cá nhân họ hoặc người thân trong gia đình đã đi làm thủ tục liên quan đến chứng nhận quyền sử dụng đất trong vòng ba năm qua, 29,61% thực hiện xin cấp mới, 12,2% xin cấp đổi, và 54,66% xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trên 68% đi làm thủ tục ở UBND xã/phường và 16% ở UBND huyện/quận. Cũng như với các nội dung thành phần khác, các chỉ số thành phần ở nội dung này cho biết số người đã đi làm thủ tục liên quan đến chứng nhận quyền sử dụng đất, chất lượng dịch vụ của bộ phận ‘một cửa’, mức độ rõ ràng của thủ tục cần làm, mức phí có được công khai hay không, thái độ của công chức tiếp dân, mức độ thạo việc của công chức, mức độ đơn giản về thủ tục, hạn lịch nhận kết quả và nhận được kết quả như lịch hẹn và mức độ hài lòng chung sau khi sử dụng dịch vụ.

Chỉ số về tổng chất lượng dịch vụ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất cho thấy có sự khác biệt tương đối lớn giữa các tỉnh/thành phố. Điểm trung bình toàn quốc là 5,05 trên thang điểm từ 0-8 điểm. TP. Hà Nội dường như làm tốt ở nội dung thành phần này với điểm số cao nhất toàn quốc ở 7,79. Quảng Ngãi là địa phương đạt điểm thấp nhất với 0,32 điểm.

Dịch vụ và thủ tục hành chính ở cấp xã/phường

Nội dung thành phần này tập trung vào mức độ hiệu quả trong cung ứng dịch vụ hành chính cho người dân của UBND xã/phường thông qua 8 thủ tục liên quan đến cá nhân hoặc hộ gia đình mà người dân có nhu cầu tại một thời điểm nào đó. Các thủ tục được khảo sát bao gồm đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn, thay đổi hay cải chính và xác định lại dân tộc, đăng ký hộ khẩu thường trú, xin cấp tiền hỗ trợ sửa chữa nhà ở, trợ cấp khó khăn cho các đối tượng bảo trợ xã hội hoặc xin vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm; đây là 8 loại thủ tục đã được lựa chọn từ danh mục các thủ tục hành chính được giao cho UBND cấp xã/phường thực hiện. Tương tự các nội dung thành phần trước, nội dung này được cấu thành từ các chỉ số thành phần về tần suất sử dụng, chất lượng dịch vụ và tính hữu ích của bộ phận ‘một cửa’. Trung bình chung cả nước có 33,04% (dao động từ 30,81% đến 35,26% với khoảng tin cậy 95%) số người trả lời cho biết đã đi làm một hoặc một số thủ tục trong số 8 thủ tục được hỏi trong vòng 12 tháng qua.

Điểm trung bình toàn quốc ở nội dung thành phần này là 1,84 điểm, cao nhất trong bốn nội dung thành phần. Mức độ chênh lệch giữa điểm cao nhất và thấp nhất cũng là nhỏ nhất (khi so điểm số 2,01 của Hà Tĩnh với điểm số 1,65 của An Giang). Điều này chỉ báo mức độ hài lòng khá cao của người dân với dịch vụ và chất lượng dịch vụ hành chính liên quan tới tám loại thủ tục thuộc thẩm quyền cung ứng của UBND xã/phường. Dường như có sự đồng đều giữa các tỉnh/thành phố về chất lượng dịch vụ trong việc xử lý các thủ tục của chính quyền cấp xã/phường. Điểm trung bình toàn quốc ở chỉ số tổng chất lượng là 6,79 trên thang điểm từ 0-8 điểm. Mức độ chênh lệch giữa điểm cao nhất là 7,87 của Bà Rịa-Vũng Tàu và điểm thấp nhất là 3,92 của Điện Biên cũng nhỏ hơn so với mức chênh lệch quan sát được ở hai nội dung về thủ tục xin cấp phép xây dựng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ này trên toàn quốc nhìn chung là cao, song giữa các tỉnh/thành phố vẫn có một số khác biệt, đặc biệt là khoảng cách điểm giữa địa phương đạt điểm cao nhất và địa phương đạt điểm thấp nhất ở chỉ số thành phần này.

Dưới đây là bảng tổng hợp điểm số nội dung thủ tục hành chính công của 5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011	TT	Tỉnh, thành phố	Trung bình
Điểm số trực nội dung THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG của 5 tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI	1	Đà Nẵng	7,332
	2	Bình Định	6,902
	3	Thừa Thiên Huế	6,644
	4	Quảng Nam	6,447
	5	Quảng Ngãi	6,409

2011 (Khoảng tin cậy 95%)			
---------------------------	--	--	--

VQH

Còn tiếp Kỳ 6 - Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công

<http://www.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/bangtin/2012/75078/>

Các giải pháp nâng cao chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công” cấp tỉnh: Kỳ 6 - Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công

(28/06/2012)

PAPI đánh giá hiệu quả cung ứng dịch vụ công thông qua bốn loại hình dịch vụ công, bao gồm:

- (i) Y tế công lập,
- (ii) Giáo dục tiểu học công lập,
- (iii) Cơ sở hạ tầng căn bản,
- (iv) An ninh, trật tự ở khu dân cư.

Bốn loại hình dịch vụ công này cũng là bốn nội dung thành phần của trục nội dung về cung ứng dịch vụ công. Qua Bộ phiếu hỏi, người trả lời có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm thực tế về mức độ dễ sử dụng và sẵn có của các dịch vụ cơ bản do chính quyền cơ sở ở địa bàn xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành bản thân đang sinh sống. Những trải nghiệm của người dân giúp phản ánh tác động của các chính sách nhà nước về bốn loại hình dịch vụ công ở địa phương. Qua đó, PAPI đo lường mức độ đáp ứng nhu cầu căn bản và những đòi hỏi chính đáng của người dân về dịch vụ công. Một vấn đề quan trọng hơn, PAPI cũng cho thấy hiệu suất và hiệu quả trong đầu tư công vào bốn lĩnh vực nêu trên ở cấp tỉnh.

Các phát hiện nghiên cứu về mức độ hiệu quả trong cung ứng dịch vụ công của 63 tỉnh/thành phố khi phân nhóm theo bốn cấp độ hiệu quả, có thể thấy sự khác biệt giữa các vùng, miền: các tỉnh/thành phố trong nhóm đạt điểm cao nhất có xu hướng tập trung ở khu vực miền Trung; các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, TP. Đà Nẵng, Quảng Nam và Bình Định đều nằm trong nhóm có điểm số trên bách phân vị thứ 75, nghĩa là trong khoảng điểm cao nhất từ 7,149 đến 7,478. Trong khi đó, các tỉnh/thành phố trong nhóm đạt điểm thấp nhất nằm rải rác ở các vùng miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và phía Nam với điểm trung bình ước lượng của mỗi địa phương nằm trong khoảng từ 6,406 đến 6,745.

Y tế công lập

Y tế công lập là một dịch vụ công lập cơ bản thiết yếu mà bất cứ một nhà nước nào cũng cần đảm bảo cung ứng cho người dân. Thay vì xem xét nhà nước đầu tư gì cho y tế công lập để thực hiện nhiệm vụ đó, PAPI đo lường trải nghiệm thực tế của người dân khi đi sử dụng những dịch vụ do nhà nước cung ứng. Nội dung thành phần này tập trung tìm hiểu hiệu quả của bảo hiểm y tế từ trải nghiệm của người sử dụng, đây là

một trong những vấn đề người dân phản nản nhiều nhất trong lĩnh vực y tế công lập. Bên cạnh đó, nội dung thành phần này cũng cho thấy một bức tranh về mức độ sẵn có và tác dụng của việc chăm sóc y tế miễn phí cho trẻ dưới sáu tuổi và cho người nghèo. Hợp phần lớn nhất của nội dung này là về chất lượng chung của bệnh viện công lập ở tuyến huyện/quận.

PAPI xác định đánh giá của người dân về mức độ sử dụng và hiệu quả của các loại hình bảo hiểm y tế do nhà nước cấp. Các câu hỏi tập trung vào ba loại hình bảo hiểm y tế, đó là bắt buộc, tự nguyện và được cấp miễn phí; các trải nghiệm thực tế của người dân đã từng là bệnh nhân hoặc là người nhà bệnh nhân kể từ năm 2005 đến nay. Bằng cách này, PAPI giúp ước lượng chính xác hơn mức độ hiệu quả của dịch vụ chăm sóc y tế công lập ở cấp tỉnh, tránh những đánh giá cảm tính của những người chưa bao giờ tới bệnh viện. Bên cạnh đó, người dân còn được hỏi về việc nếu không đi khám, chữa bệnh ở một bệnh viện tuyến huyện/quận ở địa phương thì họ thường đi đâu. Câu hỏi này nhằm đo lường xu thế sử dụng bệnh viện của người dân và đưa ra một số giả thiết tại sao người dân không chọn đến bệnh viện tuyến/quận huyện mà đi tới những cơ sở khác để khám, chữa bệnh.

Ở chỉ số thành phần về tổng chất lượng bệnh viện, ngoài bảy tiêu chí mang tính ‘chuẩn mực’ được đo trong năm 2010, PAPI 2011 thêm ba tiêu chí để người dân đánh giá, bao gồm: bác sĩ không chỉ định điếm mua thuốc; người bệnh khỏi hẳn bệnh sau khi xuất viện; và bệnh nhân/người nhà bệnh nhân hài lòng với dịch vụ y tế của bệnh viện.

Ở chỉ số thành phần về bảo hiểm y tế, nhìn chung trên toàn quốc có 53,95% số người được hỏi cho biết họ có thẻ bảo hiểm y tế. Song khi xét ở cấp tỉnh thì có sự chênh lệch lớn về tỉ lệ này: 94,55% ở tỉnh Lai Châu so với 18,65% ở tỉnh Nam Định. Nghệ An là địa phương có tỉ lệ ở vị trí trung vị với 56,65%. Điều này có thể được diễn giải theo hướng nhiều địa phương chưa cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trên nửa số dân. Trong số những người có thẻ bảo hiểm y tế, 44,66% cho biết họ được cấp phát miễn phí, 39,18% mua bảo hiểm y tế tự nguyện, và 15,63% có thẻ bảo hiểm y tế bắt buộc. Khi được hỏi về tác dụng của thẻ bảo hiểm y tế, phần lớn số người có thẻ bảo hiểm cho biết bảo hiểm y tế có tác dụng tốt trong lần khám chữa bệnh gần đây. Điều này được thể hiện qua điểm trung bình toàn quốc ở chỉ số thành phần này là 3,30 điểm trên thang điểm từ 1-4 điểm. Điều này cũng tương thích với ghi nhận của người dân về việc thực hiện chính sách miễn phí chăm sóc sức khỏe của trẻ dưới sáu tuổi ở cấp tỉnh. Mặc dù khoảng cách giữa tỉ lệ thấp nhất và cao nhất là rất lớn, song trên toàn quốc cũng có tới gần 70% số người được hỏi cho biết chính sách này đang được thực hiện ở địa phương, và hơn một nửa số tỉnh/thành phố có tỉ lệ người dân nhận định tương tự khá cao. Cũng cần lưu ý một điểm đó là trong số những người đã đi khám, chữa bệnh từ năm 2005 đến 2011, có 76,93% đến bệnh viện tuyến huyện/quận, 32,94% đến bệnh

viện tư, 17,2% đến bệnh viện tuyến trung ương trên địa bàn tỉnh/thành phố, và 41,36% đến bệnh viện tuyến tỉnh.

Nhìn chung, kết quả khảo sát ở nội dung thành phần về dịch vụ y tế công lập cho thấy các tỉnh/thành phố cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc cải thiện chất lượng bệnh viện tuyến huyện/quận. Một khi người sử dụng tin tưởng hơn vào bệnh viện tuyến huyện/quận, họ sẽ chọn đến bệnh viện tuyến huyện/quận bởi đây là tuyến chăm sóc y tế có chuyên môn gần hơn và ít tốt kém hơn cho bệnh nhân. Dữ liệu PAPI cho thấy bệnh viện tuyến huyện/quận còn nhiều tồn tại ở các tiêu chí được đánh giá, đòi hỏi chính quyền cấp tỉnh phải tập trung xử lý để nâng cao chất lượng bệnh viện công lập tuyến này.

Giáo dục tiểu học công lập

Luật Phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991 là khung pháp lý căn bản điều chỉnh lĩnh vực nội dung giáo dục tiểu học. Vì vậy, nội dung thành phần xem xét mức độ phổ cập giáo dục tiểu học dành cho tất cả trẻ em từ 6 đến 14 tuổi chỉ giới hạn ở cấp tiểu học, bởi lẽ không phải xã/phường nào cũng có trường trung học cơ sở và ở một số xã/phường có chung một trường trung học cơ sở. Bên cạnh đó, PAPI tập trung đo lường chất lượng trường tiểu học dựa trên một số tiêu chí đánh giá được đề ra trong Quyết định số 04/2008/QĐ-BGD-ĐT về tiêu chuẩn tối thiểu đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học để được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Nội dung thành phần này được cấu thành từ bốn chỉ số thành phần, gồm có:

- (i) Khoảng cách từ nhà tới trường (tính theo đơn vị ki-lô-mét),
- (ii) Quãng thời gian cần thiết để học sinh tiểu học đi tới trường (tính theo đơn vị phút),
- (iii) Tổng chất lượng trường tiểu học dựa trên chín tiêu chí chung nhất,
- (iv) Đánh giá chất lượng trường tiểu học dựa trên thang điểm từ 1-5 điểm.

Một bộ câu hỏi về đánh giá chất lượng trường tiểu học nói chung cũng được bổ sung để xem xét mức độ hài lòng của người dân với trường tiểu học và dự định cho con em học tiếp lên cấp trung học cơ sở của hộ gia đình. Khi so sánh với điểm trung bình toàn quốc ở 2,01 điểm trên thang điểm từ 0,25-2,5 điểm, phần lớn các tỉnh/thành phố đạt điểm tương đối cao ở nội dung thành phần này. Khoảng cách về điểm giữa tỉnh đạt điểm cao nhất (tỉnh Long An với 2,06 điểm) và tỉnh đạt điểm thấp nhất (tỉnh Đắk Nông với 0,94 điểm) là nhỏ nhất. Nhìn chung, phần lớn người trả lời có con em đi học tiểu học đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học nói chung đạt mức trung bình và khá, thể hiện qua giá trị trung bình toàn quốc ở chỉ số này là 3,86 điểm trên thang điểm từ 1 (rất kém) đến 5 (rất tốt).

Cơ sở hạ tầng căn bản

Nội dung thành phần này xem xét điều kiện tiếp cận với điện lưới quốc gia, chất lượng đường xá và dịch vụ thu gom rác thải ở địa bàn khu dân cư, và chất lượng nước sử dụng cho ăn uống. Nội dung thành phần này có tác dụng chỉ báo về mức độ quan tâm của các cấp chính quyền địa phương đảm bảo các dịch vụ công ích này đến với tất cả người dân. Chất lượng đường xá dân sinh tại địa bàn khu dân cư cho thấy có sự khác biệt giữa các thành phố lớn và các tỉnh.

Về mức độ thường xuyên của dịch vụ thu gom rác thải, TP. Đà Nẵng là địa phương làm rất tốt dịch vụ này bởi có tới 100% số người được hỏi cho biết việc thu gom rác thải được chính quyền thực hiện hàng ngày. Trong số tất cả các tỉnh/thành phố thì Cà Mau là địa phương dường như còn yếu trong lĩnh vực này.

Về chất lượng nước dùng cho ăn uống, có 34,8% số người được hỏi cho biết họ có nước máy về tận nhà, cao hơn nhiều so với tỉ lệ 6,45% cho biết họ vẫn dùng nước sông/suối/hồ và nước mưa chưa qua xử lý để ăn uống. TP. Hải Phòng có số dân sử dụng nước máy cao nhất (99,59%), trong khi đó tỉ lệ này ở tỉnh Gia Lai chỉ là 1%. Tỉnh Bình Định có 23,95% hộ dân sử dụng nước máy, một tỉ lệ mang giá trị trung vị toàn quốc. Điều này cho thấy điều kiện tiếp cận nước máy để ăn uống còn nhiều hạn chế ở tất cả 63 tỉnh/thành phố.

An ninh, trật tự khu dân cư

Tình hình an ninh, trật tự ở khu dân cư được đo lường thông qua đánh giá của người dân về mức độ an toàn ở địa bàn khu dân cư nơi họ đang sinh sống. Nội dung thành phần này gồm ba chỉ số thành phần:

- (i) Mức độ an toàn ở địa bàn khu dân cư,
- (ii) Thay đổi về mức độ an toàn qua ba năm,
- (iii) Tỉ lệ người dân là nạn nhân của một hoặc một số trong bốn loại hình tội phạm an ninh, trật tự gồm: bị mất trộm phương tiện đi lại, bị cướp giật, bị đột nhập vào nhà và bị hành hung.

Kết quả khảo sát cho thấy một nửa số tỉnh/thành phố trên cả nước đạt khoảng 1,60 điểm, trên số điểm tối đa có thể là 2,5. Sơn La là địa phương có vẻ tương đối an toàn, còn Bình Thuận thì kém an toàn nhất. Người dân tỉnh Bình Thuận cũng cho biết mức độ an toàn ở địa bàn dân cư đang ngày một xấu đi, với 75,38% số người được hỏi cho biết hiện thời sống ở địa bàn không an toàn bằng ba năm trước đây. Người dân tỉnh Hậu Giang dường như thấy có chuyển biến tích cực về an ninh, trật tự khu dân cư, với 29,15% số người trả lời cho biết họ thấy có sự tiến bộ. Trên toàn quốc, mức độ an toàn có chiều hướng tăng lên không đáng kể, thể hiện qua tỉ lệ người dân cho rằng sống ở địa bàn hiện nay an toàn hơn so với ba năm trước chỉ là 8,1%. Việc thiếu an toàn ở địa bàn dân cư trong năm vừa qua là đáng lo ngại. Có tới 18,26% số người được hỏi cho biết hộ gia đình hoặc cá nhân họ đã là nạn nhân của một hoặc một số

loại hình tội phạm được hỏi. Khoảng 60,15% số người được hỏi ở tỉnh Bình Thuận đã là nạn nhân trong vòng 12 tháng đến thời điểm khảo sát, so với chưa tới 1,21% ở tỉnh Lào Cai. Môi trường sống thiếu an ninh được phản ánh ở hầu hết các tỉnh/thành phố; loại hình tội phạm phổ biến nhất là đột nhập vào nhà và trộm phương tiện đi lại và quan sát này được trải nghiệm ở rất nhiều tỉnh/thành phố.

Dưới đây là bảng tổng hợp điểm số nội dung cung ứng dịch vụ công của 5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011

Điểm số trực nội dung CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG của 5 tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Báo cáo PAPI 2011 (Khoảng tin cậy 95%)	TT	Tỉnh, thành phố	Trung bình
	1	Đà Nẵng	7,430
	2	Thừa Thiên Huế	6,971
	3	Bình Định	6,902
	4	Quảng Nam	6,838
	5	Quảng Ngãi	6,306

VQH

Kỳ cuối - Phương pháp luận và độ tin cậy trong khảo sát và thống kê PAPI

<http://www.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/bangtin/2012/75162/>

Chỉ số PAPI 2011 của 5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Công thông tin tỉnh Quảng Ngãi (11/05/2012)

Theo Báo cáo Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2011 (chỉ số PAPI 2011) vừa được công bố, trong 5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung thì tỉnh Bình Định có điểm số là 38,461 cao nhất trong Vùng và tỉnh Quảng Ngãi có điểm số là 34,662 thấp nhất trong Vùng. Dưới đây là bảng tổng hợp các chỉ số PAPI 2011 của 5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung:

TT	Tỉnh, thành	1	2	3	4	5	6	Tổng hợp
1	Bình Định	5,884	5,682	6,005	6,975	6,902	7,013	38,461
2	Đà Nẵng	5,278	5,456	5,790	6,156	7,332	7,430	37,443
3	Quảng Nam	5,329	5,717	5,409	6,623	6,447	6,838	36,364
4	Thừa Thiên Huế	5,277	5,354	5,331	5,821	6,644	6,971	35,398
5	Quảng Ngãi	5,049	5,306	5,578	6,014	6,409	6,306	34,662

Cột 1 là chỉ số nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”

Cột 2 là chỉ số nội dung “Công khai, minh bạch”

Cột 3 là chỉ số nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân”

Cột 4 là chỉ số nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”

Cột 5 là chỉ số nội dung “Thủ tục hành chính công”

Cột 6 là chỉ số nội dung “Cung ứng dịch vụ công”

Trong các nhóm nội dung của chỉ số PAPI 2011 Quảng Ngãi có điểm số thấp so với các tỉnh, thành phố trong Vùng ở các nội dung: 1-tham gia của người dân ở cấp cơ sở, 2-công khai, minh bạch, 5-thủ tục hành chính công, 6-cung ứng dịch vụ công; để cải thiện chỉ số PAPI của tỉnh trong thời gian tới Quảng Ngãi cần chú trọng nâng cao các chỉ số nội dung trên.

VQH

Chỉ số “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2011” - PAPI 2011

(05/05/2012)

Vừa qua, Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) phối hợp với: Trung tâm Nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân nguyện của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã tổ chức công bố đánh giá “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam năm 2011” – PAPI 2011.

Báo cáo PAPI 2011 là kết quả của cuộc khảo sát có quy mô lớn nhất từ trước đến nay trên 63 tỉnh, thành phố của cả nước về chủ đề quản trị và hành chính công. Chỉ số này tập hợp nhiều dữ liệu phân tích định lượng về 6 lĩnh vực quản trị và hành chính công, bao gồm: tham gia của người dân ở cấp cơ sở; công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình với người dân; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; thủ tục hành chính công và cung ứng dịch vụ công.

PAPI thực hiện lần đầu tiên ở Việt Nam vào năm 2009 tại 3 tỉnh, thành phố gồm Phú Thọ, Đà Nẵng, Đồng Tháp; lần thứ hai vào năm 2010 tại 30 tỉnh, thành phố; trong năm 2011 nghiên cứu PAPI được triển khai ở tất cả 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Những kết quả phân tích trong Báo cáo PAPI 2011 sẽ đóng góp vào quá trình cải thiện hiệu quả công tác điều hành, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công ở cấp tỉnh.

Bảng phân nhóm các tỉnh, thành phố theo chỉ số PAPI năm 2011 với thang điểm 60

Nhóm điểm số từ 37,381 - 40,319	Nhóm điểm số từ 36,144 - 37,217	Nhóm điểm số từ 35,003 - 36,098	Nhóm điểm số từ 32,599 - 34,995
Quảng Bình	Bến Tre	Bắc Ninh	Ninh Thuận
Bà Rịa-Vũng Tàu	Tp.Hồ Chí Minh	Kon Tum	Điện Biên
Long An	Nghệ An	TP. Cần Thơ	Quảng Ngãi
Quảng Trị	Thái Bình	Vĩnh Long	Hậu Giang
	Bình Dương	Tuyên Quang	Hưng Yên

Hà Tĩnh	Bắc Kạn	Đắk Lắk	Lai Châu
Sơn La	Bình Phước	Quảng Ninh	Bạc Liêu
Nam Định	Gia Lai	Bắc Giang	Ninh Bình
Lạng Sơn	Vĩnh Phúc	Lào Cai	Bình Thuận
Bình Định	Thái Nguyên	Cà Mau	An Giang,
Hòa Bình	Quảng Nam,	Thừa Thiên -	Phú Yên,
Tiền Giang	Hà Nam	Huế	Cao Bằng
Thanh Hóa	Đồng Nai	TP. Hải Phòng	Tây Ninh
Hải Dương	Phú Thọ	Khánh Hòa	Hà Giang
TP. Đà Nẵng	Yên Bái	Kiên Giang	Trà Vinh
TP. Hà Nội	Đắk Nông	Sóc Trăng	
Đồng Tháp		Lâm Đồng	

VQH

<http://skh.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/bangtin/2012/73604/>

Chỉ số PAPI được tính như thế nào?

Công thông tin tỉnh Quảng Ngãi (09/05/2012)



Chỉ số PAPI – “Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh” là kết quả khảo sát tập hợp nhiều dữ liệu phân tích định lượng về các lĩnh vực quản trị và hành chính công nhằm đo lường mức độ hiệu quả của công tác quản trị và hành chính công dựa vào trải nghiệm của người dân khi tiếp xúc, giao dịch với cơ quan chính quyền các cấp. Trong khi các báo cáo tổng kết của các cơ quan, ban ngành nhà nước ở Trung ương và địa phương hiện nay chủ yếu là “tự đánh giá” thì nghiên cứu PAPI đem đến cách tiếp cận từ dưới lên để tìm hiểu trải nghiệm và cảm nhận thực tiễn của người dân.

Hệ thống chỉ báo PAPI bao gồm 6 trục nội dung sau:

1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở: trục nội dung này tập trung tìm hiểu mức độ hiệu quả của các cấp chính quyền địa phương trong việc huy động sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở, qua đó đánh giá các cơ chế tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các qui trình quản trị và hành chính công cấp tỉnh. Các vấn đề chính được đề cập như hiểu biết của người dân về cơ hội tham gia của mình, kinh nghiệm trong bầu trưởng thôn/tổ trưởng dân phố và mức độ hài lòng với chất lượng bầu cử vị trí trưởng thôn/tổ trưởng dân phố; huy động đóng góp tự nguyện của người dân cho các dự án công trình công cộng của xã/phường.

2. Công khai, minh bạch: trục nội dung này đánh giá mức độ công khai minh bạch trong cung cấp thông tin kịp thời và tin cậy của chính quyền địa phương tới người dân; nhận thức của người dân từ kết quả cung cấp thông tin của chính quyền cũng như mức độ công khai thông tin về các chính sách xã hội cho người nghèo; các qui định của pháp luật ảnh hưởng đến đời sống hàng ngày của người dân; thu chi ngân sách cấp xã, phường và qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đền bù đất bị thu hồi.

3. Trách nhiệm giải trình với người dân: trục nội dung này xem xét mức độ và hiệu quả tiếp xúc của người dân với các cá nhân và cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề cá nhân, gia đình, hàng xóm hoặc liên quan tới chính quyền địa phương; khiếu nại tố cáo của người dân; mức độ phổ biến và hiệu quả của các cơ chế dân chủ để yêu cầu chính quyền địa phương chịu trách nhiệm trước các chương trình và các dự án triển khai ở cấp xã, phường, qua hoạt động của các ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng.

4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công: trực nội dung này đánh giá mức độ tham nhũng và động cơ của người dân trong việc tố cáo các hành vi tham nhũng; tập trung phân tích vấn đề lạm dụng ngân sách nhà nước, mục đích tư lợi, hối lộ, tầm quan trọng của việc thân quen (vị thân) khi xin hoặc thi vào làm việc trong khu vực nhà nước, lạm dụng chức quyền trong xử lý các thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ y tế và giáo dục; nhận thức của người dân về quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng và những cảm nhận của người dân về hiệu quả chống tham nhũng.

5. Thủ tục hành chính công: trực nội dung này xem xét việc thực hiện và hiệu quả của việc cung ứng dịch vụ và xử lý thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính địa phương dựa trên trải nghiệm thực tế của người dân khi đi làm các thủ tục hành chính như xin cấp giấy phép xây dựng, cấp mới, cấp đổi hoặc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cấp huyện, quận và xã, phường, và mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ chứng thực, xác nhận của các cấp chính quyền địa phương.

6. Cung ứng dịch vụ công: trực nội dung này đề cập tới các dịch vụ công được coi là đóng vai trò then chốt trong việc cải thiện điều kiện sống của người dân như y tế, giáo dục, nước sạch và tình hình an ninh, trật tự ở địa bàn khu dân cư.

Dữ liệu của PAPI cho thấy hiệu quả quản trị công ở phương diện hành chính nhà nước và cung ứng dịch vụ công có mối tương quan với chất lượng điều hành kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và chất lượng phát triển kinh tế-xã hội nhằm hướng tới trình độ phát triển con người cao hơn. Mối tương quan giữa Chỉ số PAPI và các chỉ số đo lường phát triển khác như GDP, HDI, PCI mang giá trị tỉ lệ thuận và có ý nghĩa thống kê. Những địa phương có điểm số PAPI cao thường được đánh giá cao hơn về chất lượng tăng trưởng kinh tế, phát triển con người và phát triển doanh nghiệp.

Chỉ số tổng hợp PAPI có tác dụng chỉ báo những diễn hình tốt, qua đó các tỉnh/thành phố có cùng điều kiện kinh tế-xã hội có thể trao đổi kinh nghiệm đã làm được trong lĩnh vực quản trị hành chính công. Việc nghiên cứu chỉ số PAPI của các tỉnh/thành phố tạo động lực cho các địa phương thúc đẩy hơn nữa hiệu quả quản trị và hành chính công ở địa phương mình; đổi mới công tác dân vận để người dân có thể chủ động và tham gia thực sự vào các quá trình quản trị và hành chính công theo cách “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, qua đó góp phần nâng cao trình độ dân trí.

VQH

<http://www.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/bangtin/2012/73715/>